

Quế Phong, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty CP thủy điện Quế Phong

Kính thưa:

- Quý vị đại biểu;
- Quý vị cổ đông Công ty CP thủy điện Quế Phong;
- Thưa toàn thể Đại hội.

Hôm nay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Khác	Tổng cộng
1	Sản lượng điện	kWh				
	Sản lượng KH 2021	kWh	79.000.000	10.666.000		89.666,000
	Sản lượng TH 2021	kWh	79.405.419	11.745.313		91.150.732
	Tỷ lệ	%	100,51%	110,12%		101.66%
2	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng				
	Doanh thu KH 2020	Tỷ đồng	102,739	14,102		116,841
	Doanh thu TH 2020	Tỷ đồng	92,642	13,046		105,688
	Tỷ lệ	%	90.17%	92,51%		90.45%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				57,966
	Thực hiện	Tỷ đồng				75.726
	Tỷ lệ	%				130.68%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				55,068
	Thực hiện	Tỷ đồng				70,006
	Tỷ lệ	%				127,13%

II. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021:

1. Về thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021:

Trong năm 2021, Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tiếp tục chịu tác động nặng nề do dịch Covid 19, tuy nhiên dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban TGD, các nhà máy trực thuộc công ty tiếp tục tập trung phát điện tối đa vào giờ cao điểm theo Hợp đồng

biểu giá chi phí tránh được, tình hình thời tiết gặp nhiều thuận lợi nên sản lượng phát điện có tăng hơn năm 2020, doanh thu đạt được cụ thể: sản lượng của cả hai nhà máy đạt 91.150.732 kWh đạt 101.66% so với kế hoạch đề ra; doanh thu bán điện đạt 105,688 tỷ đồng (không bao gồm thuế TN và phí dịch vụ môi trường rừng, doanh thu khác) đạt 90,45% so với kế hoạch đề ra; các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều cao hơn so với kế hoạch đề ra lần lượt là 30,68% và 27,13%. Đây là kết quả tương đối tốt trong bối cảnh tình trạng thời tiết có cải thiện, diễn biến dịch bệnh kéo dài suốt cả năm, với sự nỗ lực phát huy tối đa nguồn lực hiện có của toàn thể CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.

2. Về công tác đầu tư:

- Trong năm 2021, Công ty cũng đã tiến hành sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng định kỳ các tổ máy Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va nâng cao hiệu quả vận hành phát điện. Ngoài ra còn rà soát khắc phục một số hư hỏng, thiếu sót cho các Nhà máy để đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả.

3. Về công tác tài chính:

Năm 2021 tình hình tài chính của Công ty đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo cân đối được dòng tiền trả nợ cho các tổ chức tín dụng, không để phát sinh nợ quá hạn.

Tình hình dư nợ tại các TCTD: ĐVT: 1.000 đồng

23. Vay và nợ thuê tài chính						
a) Vay ngắn hạn	12/31/2021		Trong năm		01/01/2021	
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (i)	9,805,546,613	9,805,546,613	14,321,367,155	9,327,404,633	4,811,584,091	4,811,584,091
b) Vay dài hạn	12/31/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (i)	4,387,500,000	4,387,500,000	0	11,231,935,015	15,619,435,015	15,619,435,015

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021:

1. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021: Như đã trình bày ở trên.

2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

3. Về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2021:

Dự toán tổng mức lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tối đa là 720 triệu đồng. Thực tế Công ty đã thực hiện chi trả 720 triệu đồng.

IV. Báo cáo tài chính năm 2021:

1. Bảng cân đối kế toán:

	TÀI SẢN	Mã số	TM	12/31/2021	1/1/2021
A/	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229,756,044,151	211,787,216,365
I/	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4,615,301,797	9,004,642,132
1.	Tiền	111		4,615,301,797	9,004,642,132
II/	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		224,724,526,994	202,050,703,350
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	13,100,327,866	27,285,267,080
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	12,377,101,584	11,603,441,823
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	198,526,067,430	156,497,259,569
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	741,030,114	6,684,734,878
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20,000,000)	(20,000,000)
IV/	Hàng tồn kho	140		403,782,179	434,195,360
1.	Hàng tồn kho	141	5.6	403,782,179	434,195,360
V/	Tài sản ngắn hạn khác	150		12,433,181	297,675,523
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	12,433,181	14,627,273
0.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	-	283,048,250
B/	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191,606,707,870	217,050,805,865
I/	Các khoản phải thu dài hạn	210		1,483,785,813	1,483,785,813
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1,483,785,813	1,483,785,813
II/	Tài sản cố định	220		177,400,269,906	199,341,681,773
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.8		

				177,223,422,688	198,793,844,154
	- Nguyên giá	222		474,503,002,176	474,503,002,176
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(297,279,579,488)	(275,709,158,022)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.8	176,847,218	547,837,619
	- Nguyên giá	228		3,724,769,595	3,724,769,595
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,547,922,377)	(3,176,931,976)
III/	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	22,160,909
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	22,160,909
VI/	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/	Tài sản dài hạn khác	260		12,722,652,151	16,203,177,370
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12,722,652,151	16,203,177,370
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		421,362,752,021	428,838,022,230

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
NGUỒN VỐN		Mã số	TM	12/31/2021	1/1/2021
C/	NỢ PHẢI TRẢ	300		84,453,146,297	123,477,701,820
I/	Nợ ngắn hạn	310		81,241,103,552	116,745,116,325
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	39,158,456,551	39,063,647,376
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	11,405,965,691	6,174,569,541
3.	Phải trả người lao động	314		1,640,414,062	1,605,108,508
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	7,509,829,021	7,530,085,756
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	1,442,833,530	37,187,410,750
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	11,755,546,613	18,156,019,106
7.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8,328,058,084	7,028,275,288
II/	Nợ dài hạn	330		3,212,042,745	6,732,585,495
1.	Chi phí phải trả dài hạn	333	5.11	774,542,745	774,542,745
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	2,437,500,000	5,958,042,750
D/	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		336,909,605,724	305,360,320,410
I/	Vốn chủ sở hữu	410	5.14	336,909,605,724	305,360,320,410
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		185,831,000,000	185,831,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185,831,000,000	185,831,000,000

2.	Quỹ đầu tư phát triển	418			20,924,187,646	20,924,187,646
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			129,642,888,078	98,093,602,764
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			59,627,619,968	32,194,392,183
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			70,015,268,110	65,899,210,581
4.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			511,530,000	511,530,000
III/	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			421,362,752,021	428,838,022,230

V. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Trong năm 2021, thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021, Công ty đã thực hiện hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2020 cho Cổ đông với tỷ lệ 20%/VĐL bằng tiền mặt.

Năm 2022, HĐQT công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 20%/VĐL bằng tiền mặt (kèm theo tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021) và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2022 để chi trả cho cổ đông.

VI. Kế hoạch SXKD năm 2022:

1. Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2022:

1.1. Thuận lợi:

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết nội bộ tốt, yêu lao động, có nhu cầu công việc cao, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;
- Được sự giúp đỡ của các cổ đông chính như Tổng công ty Điện lực Trung Sơn và các Cổ đông lớn khác;
- Được sự giúp đỡ, quan tâm của chính quyền và nhân dân địa phương;
- Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về chính sách đầu tư nguồn điện;
- Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va đã đi vào vận hành kinh doanh hơn 10 năm nên cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tác nghiệp với các cơ quan hữu quan nhất là với Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Trung tâm điều độ hệ thống điện trong sản xuất và thanh toán tiền điện.
- Một số yếu tố khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;...

1.2. Khó khăn:

- Dịch Covid -19 đang diễn ra rất phức tạp trên toàn cầu, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Toàn bộ dự án nằm trong khu vực miền Tây Nghệ An, khí hậu có nét đặc thù và khắc nghiệt; giao thông đi lại khó khăn và thông tin liên lạc còn nhiều hạn chế. Trụ sở Công

ty đóng xa trung tâm, có những diễn biến phức tạp về trật tự, trị an. Cơ sở vật chất còn khó khăn thiếu thốn: Điều kiện đi lại khó khăn; các dịch vụ y tế, trường học nằm cách quá xa Công ty; thông tin liên lạc kém, không ổn định dẫn đến CBCNV không an tâm phát triển;

- Điện lượng vào mùa khô đạt thấp hơn kỳ vọng của dự án (*Do hiện tượng khí hậu thay đổi thất thường – chế độ Thủy văn có sự suy giảm, lượng mưa giảm thấp so với số liệu thiết kế, công tác khảo sát đánh giá ban đầu chưa sát với thực tế, qua 9 năm vận hành từ năm 2010 đến nay chế độ thủy văn không có sự thay đổi khác*);

2. Kế hoạch SXKD năm 2022:

Trên cơ sở xác định các điều kiện nội tại của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong cũng như xác định những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2021; Kế hoạch SXKD năm 2021 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh	79,000,000	10,666,000	89,666,000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	112,948	15,480	128,428
	Tiền bán điện		102,739	14,102	116,841
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán		7,365	994	8,359
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán		2,844	384	3,228
3	Doanh thu hoạt động tài chính				8,000
4	Doanh thu khác				-
4	Chi phí		26,436	5,461	71,462
	Chi phí tiền lương				6,000
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên		3,388	1,548	4,936
	Chi phí thuế TN		7,365	994	8,359
	Phí dịch vụ MTR		2,844	384	3,228
	Chi phí quản lý		5,647	1,548	7,195
	Chi phí sửa chữa lớn		7,192	987	8,179
	Chi phí khấu hao TSCĐ				31,564
	Chi phí lãi vay				2,000
5	Chi phí khác				3,000
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			61,966
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ			

		đồng			58,867.96
8	Trả cổ tức năm 2020	%/VĐL			20

Nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả SXKD của Công ty; Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đồng thời thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2022 (*nếu thấy cần thiết*) cho phù hợp tình hình hoạt động thực tế, chính sách của Nhà nước, mức độ ổn định vĩ mô nền kinh tế của Việt Nam trong năm 2021.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm khác trong năm 2022:

- Tiếp tục tập trung phát điện vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được.

- Tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị Nhà máy, trạm, hệ thống điều khiển, đường dây để sửa chữa, thay thế, nâng cấp đáp ứng được yêu cầu phát điện với hiệu quả cao nhất.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2021, Kế hoạch SXKD năm 2022 dự kiến và một số vấn đề khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty CP thủy điện Quế Phong xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VP, Tài liệu Đại hội.

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thái Hưng